

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2021/HS-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Hà Thị Vân A - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/TLHS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu T 1, xã Yên Tập, huyện K, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Có chồng: Nguyễn Văn K, sinh năm 1971 lao động tự do; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; Bố, mẹ, chồng, con đều ở xã T, huyện K, tỉnh Phú Thọ; A chị em ruột: gia đình có 5 người, bị cáo là thứ ba; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 03/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện K xử H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tuyên miễn hình phạt đối với H; án phí H chấp hành xong tháng 3/2016; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19//QĐ-XPHC ngày 24/3/2015 của Công an huyện K xử phạt H 300.000đ do có lời nói, xúc phạm danh dự nhân phẩm người khác. Căn cứ khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính thì đến nay đã hết thời hiệu thi hành Quyết định; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/9/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã Yên Tập, huyện K, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, A Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991, ở khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ có đơn tố cáo Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, ở khu T 1, xã Yên Tập, huyện K, tỉnh Phú Thọ có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cùng ngày 08/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H thu giữ một số tờ giấy có nội dung về việc H cho người khác vay tiền, và một số tài liệu khác.

Ngày 09/10/2020, Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp 02 giấy biên nhận vay tiền. Cụ thể: 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 27/3/2019, thể hiện tên người vay là Nguyễn Ngọc A, số tiền vay là: 100.000.000đ, mức lãi xuất là 2%/tháng; 01 giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 14/10/2019, thể hiện tên người vay là Nguyễn Ngọc A, số tiền vay là: 100.000.000đ, mức lãi xuất là 2%/tháng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H khai nhận: Do không có việc làm ổn định, H mở cửa hàng cầm đồ và cho người khác vay tiền với mức lãi suất là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày; có người H cho vay nhưng không lấy tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì mức lãi suất trong giao dịch dân sự giữa các bên cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo tỷ lệ này, mức lãi suất không được vượt quá tương đương với mức 1,66667%/tháng của khoản tiền vay, và tương đương với mức lãi 0,055556%/ 1 ngày của khoản tiền vay.

Theo quy định của Điều 201 Bộ luật hình sự, thì: *“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000đ..... thì bị phạt tiền...”*.

Để xử lý tội phạm theo Điều 201 Bộ luật hình sự thì cần đạt 02 điều kiện:

Điều kiện thứ nhất: mức lãi suất cho vay gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, tức là $5 \times 20\%/năm = 100\%/năm$, tương đương mức 8,3333%/1 tháng; tương đương 0,27777%/ ngày. Nếu vượt quá mức lãi suất nêu trên là đạt vi phạm điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai: thu lợi bất chính từ 30.000.000đ..., tức là khi đã đạt điều kiện thứ nhất, mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên, số tiền thu lợi vượt quá 20%/năm mà đạt từ 30.000.000đ trở lên là đạt vi phạm điều kiện thứ hai.

Như vậy, với mức lãi suất các đối tượng cho người khác vay là 3.000đ/1 triệu/1 ngày đã đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự.

Từ các căn cứ pháp luật nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H như sau:

Nguyễn Thị H mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại nhà; đồng thời H còn cho người khác vay tiền với lãi xuất cao tại nhà. Thủ đoạn hoạt động của H như sau: Khi khách vay có nhu cầu đến vay tiền thì phải tự viết thông tin cá nhân vào chỗ trống của tờ hợp đồng vay tiền (Hợp đồng này, H lấy của A Nguyễn Công Tuấn - sinh năm 1973, ở khu 6, thị trấn K, huyện K là A trai của H cũng mở cửa hàng cầm đồ và có soạn sẵn giấy biên nhận vay tiền), sau đó người vay ký tên vào hợp đồng. Lãi xuất trong hợp đồng vay tiền luôn ghi là 2%, hoặc không ghi gì mục đích để đối phó với cơ quan chức năng nếu bị kiểm tra nhưng thực tế lãi xuất cho vay là 3.000đ/1 triệu/1 ngày tùy vào mối quan hệ với khách vay. Hình thức cho vay chủ yếu là tín chấp.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 8/2020, Nguyễn Thị H đã cho A Nguyễn Ngọc A vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 6/2017, A Ngọc A vay của Nguyễn Thị H số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), có viết biên nhận ghi lãi xuất là 2%/tháng nhưng thực chất lãi xuất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Như vậy, mỗi tháng Ngọc A phải trả cho H 9.000.000đ tiền lãi; tính từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2019 đã trả đủ tiền lãi cho H là 15 tháng với tổng số tiền là: 135.000.000đ; tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi H thu được từ ngày 01/01/2018 đến tháng 3/2019 là: 135.000.000đ. Trong đó: Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 25.000.050đ; số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 109.999.950đ;

Lần 2: Tháng 3/2019, A Nguyễn Ngọc A vay của Nguyễn Thị H số tiền: 100.000.000đ, có viết biên nhận ghi lãi xuất là 2%/tháng nhưng thực chất lãi xuất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền gốc A A nợ H là 200.000.000đ. Như vậy, mỗi tháng A A phải trả cho H 18.000.000đ tiền lãi; tính từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019 đã trả đủ tiền lãi cho H là 7 tháng với tổng số tiền là: 126.000.000đ; tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi H thu được từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019 là: 126.000.000đ. Trong đó: Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 23.333.380đ; số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 102.666.620đ;

Lần 3: Tháng 10/2019, A Nguyễn Ngọc A vay của Nguyễn Thị H số tiền: 100.000.000đ, có viết biên nhận ghi lãi xuất là 2%/tháng nhưng thực chất lãi xuất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền gốc A A nợ H là 300.000.000đ. Như vậy, mỗi tháng Ngọc A phải trả cho H 27.000.000đ tiền lãi; tính từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020 đã trả tiền lãi cho H là 7 tháng với tổng số tiền là: 189.000.000đ; tiền gốc chưa trả.

Số tiền lãi H thu được từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020 là: 189.000.000đ. Trong đó: Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 35.000.070đ; số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 153.999.930đ;

Như vậy, xác định số tiền thu lời bất chính của H trong vụ án này là: 366.666.500đ (Ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra xác định: Khi Nguyễn Ngọc A thỏa thuận với Nguyễn Thị H về việc vay tiền, mức lãi xuất, cách thức trả tiền nợ lãi và nợ gốc bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp cho H hoặc cho con trai H là Nguyễn Phi Hùng - sinh năm 1997, ở khu tái định cư Đồng Gia, phường Minh Nông, thành phố T, tỉnh Phú Thọ; hoặc Nguyễn Ngọc A chuyển khoản tiền lãi từ tài khoản của Ngọc A tại Ngân hàng VPbank, số tài khoản 191.616.332 đến tài khoản 104.869.846.840 của Nguyễn Phi Hùng tại Ngân hàng Vietinbank. Ngọc A trả lãi đầy đủ cho Nguyễn Thị H cho đến tháng 8/2020 thì không còn khả năng trả lãi, nợ gốc. Theo lời khai của Nguyễn Ngọc A, H nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho A A yêu cầu trả tiền gốc và lãi cho H nhưng A A không có tiền trả nên đã làm đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của H đến Cơ quan Công an như đã nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 72/CT-VKSPT-P2 ngày 27 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 200.000.000đ đến 300.000.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị:

Thu hồi số tiền 83.333.500đ của bị cáo do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) để tịch thu sung quỹ Nhà nước

Thu hồi số tiền 300.000.000đ của Nguyễn Ngọc A (là khoản tiền gốc A vay của Nguyễn Thị H) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại (là khoản tiền lãi vượt quá 20%) cho Nguyễn Ngọc A số tiền 366.666.500đ.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp 200.000.000đ khắc phục hậu quả và được trừ vào khoản tiền thu lời bất chính của bị cáo 83.333.500đ; Số tiền 116.666.500đ còn lại được trừ vào khoản tiền trả lại cho A Nguyễn Ngọc A. Bị cáo H còn phải trả lại cho A Nguyễn Ngọc A 250.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành án, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với

số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh phú Thọ đã trả lại cho Nguyễn Thị H:

01 đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự; 01 biên bản kiểm tra điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đều mang tên Nguyễn Thị H; 01 kết sắt hiệu KOREA Model K56-1795, H khai là kết bị hỏng- không có đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội; 01 kết sắt hiệu KOREA Model KV98, không có chìa khóa.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2020, đã có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Cụ thể H đã cho Nguyễn Ngọc A - sinh năm 1991, ở khu 5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Thọ vay tiền với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền Nguyễn Ngọc A vay làm nhiều lần, tính đến thời điểm tháng 8/2020, Nguyễn Ngọc A đã trả cho Nguyễn Thị H tổng số tiền lãi là: 450.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (dưới 20%): 83.333.500đ; số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 366.666.500đ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã xác định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H cho người khác vay tiền với lãi suất cao, mức: 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật hình sự (0,27777%/ngày); thu lời bất chính trên 30.000.000đ (vượt quá khoản tiền vi phạm từ 20%/năm trở lên của khoản vay). Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 201 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật.

Điều 201 Bộ luật Hình sự: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này

hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000đ trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Đối với Nguyễn Phi Hùng - là con trai của Nguyễn Thị H, nhiều lần đưa tiền vay cho Ngọc A cũng như nhận tiền lãi từ Ngọc A trả, nhưng Hùng không biết đó là tiền gì, không biết việc H cho Ngọc A vay lãi nặng nên không đủ cơ sở để xử lý đối với Hùng.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Trước tình hình loại tội phạm này có chiều hướng tăng và diễn biến phức tạp, do vậy phải xét xử nghiêm, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Bị cáo có nhân thân xấu, đã có Bản án của Tòa án và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà do hám lời nên bị cáo đã phạm tội vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xong khi lượng hình cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm vào tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) cần để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Cần buộc A Nguyễn Ngọc A phải nộp lại số tiền gốc 300.000.000đ (là khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc A vay của Nguyễn Thị H) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn thị H nộp số tiền 200.000.000đ, tại phiên tòa, bị cáo đề nghị số tiền 200.000.000đ trừ vào khoản tiền bị cáo bị thu hồi 83.333.500đ; Số tiền 116.666.500đ còn lại được trừ vào khoản tiền trả lại cho A Nguyễn Ngọc A. Bị cáo H còn phải trả lại cho A Nguyễn Ngọc A 250.000.000đ. Xét việc đề nghị của bị cáo cần được chấp nhận và được xác nhận trong Bản án. Số tiền 116.666.500đ còn

lại được trừ vào khoản tiền trả lại cho A Nguyễn Ngọc A sẽ được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về xử lý vật chứng:

Một số giấy tờ thu giữ của bị cáo không liên quan đến phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị lấy lại nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Các Quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên, thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Thu hồi số tiền 83.333.500đ (Tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng) của bị cáo Nguyễn Thị H do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) để tịch thu sung quỹ Nhà nước

Thu hồi số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của A Nguyễn Ngọc A (là khoản tiền gốc Nguyễn Ngọc A vay của Nguyễn Thị H) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại (là khoản tiền lãi vượt quá 20%) cho Nguyễn Ngọc A số tiền 366.666.500đ (Ba trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002066 ngày 09/11/2020 và Biên lai thu tiền số AA/2019/0002099 ngày 12/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để khắc phục hậu quả và được trừ vào khoản tiền thu lời bất chính của bị cáo bị thu hồi 83.333.500đ (Tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng); Số tiền 116.666.500đ (Một trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) còn lại được trừ

vào khoản tiền trả lại cho A Nguyễn Ngọc A. Bị cáo Nguyễn Thị H còn phải trả lại cho A Nguyễn Ngọc A 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Số tiền 116.666.500đ (Một trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) còn lại được trừ vào khoản tiền trả lại cho A Nguyễn Ngọc A nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho khoản tiền A Nguyễn Ngọc A phải thu hồi số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành án, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu của Nguyễn Thị H 01 biên nhận bán xe ghi tên Trần Lê Thủy - sinh năm 1972, khu Gò Chùa, thị trấn K; 01 giất vay tiền ghi tên Hà Thị Lan Huê - sinh năm 1978, ở khu Gò Chùa, thị trấn K; 01 giấy vay nợ ghi tên Hà Trọng Thái - sinh năm 1989 ở khu Vực Cầu, thị trấn K; 01 tờ giấy có ghi chữ màu xanh tên Hà Thùy Linh; 01 tờ lịch ghi ngày 12, mặt sau ghi chữ, số màu xanh; 01 Giấy vay tiền ghi tên Bùi Xuân Chinh - sinh năm 1996, ở khu 1, thị trấn K; 01 giấy vay tiền ghi tên Cù Hiếu Đạo, ở xã Phú Lạc, huyện K để lưu hồ sơ vụ án.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho Nguyễn Thị H 01 đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự; 01 biên bản kiểm tra điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đều mang tên Nguyễn Thị H, 02 kết sát theo biên bản trao trả tài sản ngày 14/10/2020.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng bị cáo H phải nộp 12.700.000đ (Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Phú Thọ;
- VKS Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư Pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- PV 27, PC 01 Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người có QLLQ;
- Lưu: HS, AV, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn